

Số: *05* /2012/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày *19* tháng 01 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển
kinh tế trang trại trên địa tỉnh Lai Châu đến năm 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND các cấp ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 02/02/2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại; Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/04/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011-2015;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 02/STC-VX ngày 09/01/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2015.

(Có quy định chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Liên minh hợp tác xã; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Tài chính;
 - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
 - Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
 - TT. Tỉnh ủy;
 - TT HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Công báo tỉnh;
 - Báo Lai Châu, Đài PTTT, Công thông tin điện tử tỉnh;
 - Lưu: VT, NN, TH.
- (báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Chử

QUY ĐỊNH

**Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại
trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 05 /2012/QĐ-UBND ngày 19/01/2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục tiêu, phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Mục tiêu

- Nhằm mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông lâm thủy sản.

- Nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả đất đai, vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý góp phần phát triển nông nghiệp bền vững; tạo việc làm tăng thu nhập, khuyến khích làm giàu đi đôi với xoá đói giảm nghèo; phân bổ lao động, dân cư xây dựng nông thôn mới.

2. Đối tượng: Đối tượng áp dụng quy định tại Quyết định này là cá nhân, hộ gia đình sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2015.

3. Tiêu chí: Các tiêu chí xác định kinh tế trang trại được quy định tại Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT, ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp & PTNT, cụ thể như sau:

3.1. Đối với cơ sở trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tổng hợp phải đạt:

- Có diện tích từ 2,1 ha trở lên.

- Giá trị sản lượng hàng hóa đạt 700 triệu đồng/năm.

3.2. Đối với cơ sở chăn nuôi phải đạt giá trị sản lượng hàng hóa từ 1.000 triệu đồng/năm trở lên.

3.3. Đối với cơ sở sản xuất lâm nghiệp phải có diện tích từ 3ha trở lên và giá trị sản lượng hàng hóa bình quân đạt 500 triệu đồng/năm trở lên.

Điều 2. Phân loại trang trại

1. Các trang trại được xác định theo lĩnh vực sản xuất như sau:

1.1. Trang trại trồng trọt.

- 1.2. Trang trại chăn nuôi.
- 1.3. Trang trại lâm nghiệp.
- 1.4. Trang trại nuôi trồng thủy sản.
- 1.5. Trang trại tổng hợp.

2. Trang trại chuyên ngành (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản) là trang trại có tỷ trọng giá trị sản lượng nông sản hàng hóa của ngành chiếm trên 50% cơ cấu giá trị sản lượng hàng hóa của trang trại trong năm. Trường hợp không có ngành nào chiếm trên 50% cơ cấu giá trị sản lượng hàng hóa thì được gọi là trang trại tổng hợp.

Điều 3. Điều kiện được hưởng chính sách

- Đạt các tiêu chí là trang trại quy định tại Khoản 3, Điều 1.
- Có giấy chứng nhận là trang trại được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Các trang trại đã được hưởng chính ưu đãi tại Quyết định này không hưởng các chính sách ưu đãi quy định trong Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 06/05/2008 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 38/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh Ban hành chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011-2015.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

Điều 4. Chính sách về đất đai

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản đang sinh sống tại địa phương sử dụng đất vào mục đích phát triển kinh tế trang trại, phù hợp với quy mô, không có tranh chấp được Nhà nước giao đất và cho thuê đất sử dụng lâu dài; được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai, cụ thể như sau:

a) Đối với diện tích đất được giao: hạn mức giao đất được áp dụng theo Điều 70 của Luật đất đai năm 2003 và Điều 69 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Hạn mức giao đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 02 ha đối với mỗi loại đất.

- Hạn mức giao đất trồng cây lâu năm cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 30 ha.

- Hạn mức giao đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 30 ha đối với mỗi loại đất.

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được giao nhiều loại đất bao gồm đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, thì tổng hạn mức giao đất không quá 5 ha.

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được giao thêm đất trồng cây lâu năm thì hạn mức đất trồng cây lâu năm là không quá 25 ha.

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được giao thêm đất rừng sản xuất thì tổng hạn mức giao đất rừng sản xuất là không quá 25 ha.

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được giao cả đất rừng phòng hộ và đất rừng sản xuất thì tổng hạn mức giao đất không quá 50 ha.

b) Hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản được áp dụng theo Điều 9 Mục 3 Chương II Quyết định số: 15/2010/QĐ-UBND ngày 09/8/2010 của UBND tỉnh Lai Châu về hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở đối với thửa đất ở có vườn ao, hạn mức giao đất chưa sử dụng, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đơn vị sự nghiệp; diện tích tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Hộ gia đình, tổ chức, cá nhân ở các địa phương khác có nhu cầu và khả năng đầu tư phát triển kinh tế trang trại ở các xã thuộc địa bàn tỉnh Lai Châu thì được UBND xã xem xét và đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất theo khả năng quỹ đất hiện có của địa phương.

3. Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu và khả năng sử dụng đất để phát triển kinh tế trang trại được cấp có thẩm quyền giao đất hoặc cho thuê đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai; diện tích đất được giao hoặc thuê phụ thuộc vào quỹ đất của địa phương và khả năng sản xuất, kinh doanh của chủ trang trại.

4. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất làm kinh tế trang trại được chủ động chuyển đổi mục đích sử dụng các loại đất theo phương án sản xuất, kinh doanh đã được UBND huyện, thị xã thuộc tỉnh xét duyệt theo quy định của Luật đất đai.

5. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất chưa được giao, chưa được thuê làm kinh tế trang trại phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận là không có tranh chấp thì được tiếp tục sử dụng theo quy định sau:

a) Trường hợp đất được giao không thu tiền sử dụng đất trong hạn mức cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản thì được tiếp tục sử dụng trong thời hạn còn lại.

b) Trường hợp đất được giao không thu tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản thì phải chuyển sang thuê đất.

c) Trường hợp sử dụng đất được Nhà nước cho thuê, nhận chuyển nhượng, được thừa kế, nhận khoán của tổ chức, do hộ gia đình, cá nhân góp vốn thì được tiếp tục sử dụng theo quy định này.

6. Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân góp đất, vốn thành lập trang trại phát triển sản xuất, kinh doanh.

Nghiêm cấm việc lợi dụng hình thức kinh tế trang trại để bao chiếm, tích tụ đất đai không vì mục đích sản xuất.

Điều 5. Chính sách về thuế: Được hưởng chính sách ưu đãi thuế theo quy định hiện hành của tỉnh.

Điều 6. Chính sách về đầu tư

1. Hỗ trợ một lần kinh phí làm đường nước, điện chiếu sáng dân dụng, đối với trang trại mới thành lập, mức tối đa: 05 triệu đồng/trang trại.

2. Hỗ trợ một lần mở đường giao thông đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn. Chiều dài đường tính từ mép đường giao thông tới hàng rào trang trại, tối đa không quá 2 km; Kinh phí hỗ trợ là 40 triệu đồng/01 km.

3. Hỗ trợ một lần kinh phí làm hồ biôga đối với trang trại chăn nuôi, mức hỗ trợ 10 triệu đồng/trang trại.

Điều 7. Chính sách về tín dụng

1. Chủ trang trại được vay không có đảm bảo bằng tài sản tối đa là 500 triệu đồng để mở rộng sản xuất, kinh doanh theo Điều 8, Nghị định 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

2. Ngoài chính sách tín dụng theo quy định của Chính phủ các chủ trang trại khi vay vốn của các tổ chức tín dụng tham gia phát triển kinh tế trang trại thì được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất của tỉnh, cụ thể như sau:

a) Các nguồn vốn được hỗ trợ lãi suất: Các trang trại có vay vốn tại các tổ chức tín dụng có đủ các điều kiện tư cách pháp nhân trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Điều kiện được hưởng hỗ trợ lãi suất vay:

- Có phương án sản xuất kinh tế trang trại (sản xuất kinh doanh) của chủ trang trại được tổ chức tín dụng có đủ tư cách pháp nhân cho vay.

- Có đăng ký khế ước vay và trả nợ vay (kể cả lãi) theo đúng khế ước.

- Hai nội dung trên phải có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn, trong đó phương án (dự án) phát triển kinh tế trang trại phải được UBND huyện, thị xã phê duyệt.

c) Mức hỗ trợ lãi suất vay: Ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất với mức tiền vay tối đa như sau:

- Dưới 100 triệu đồng hỗ trợ 50% thực lãi phải trả.

- Từ 100 triệu đồng đến 200 triệu đồng hỗ trợ 30% thực lãi phải trả.

d) Thời hạn được hỗ trợ lãi xuất đối với khoản vay phát triển kinh tế trang trại trong giai đoạn từ năm 2011 - 2015 cụ thể:

- Đối với trang trại chăn nuôi gia súc lấy thịt, gia cầm, nuôi trồng thủy sản, trang trại tổng hợp, thời gian hỗ trợ lãi xuất vay tối đa 12 tháng kể từ thời điểm rút vốn vay đầu tiên.

- Đối với kinh tế trang trại chăn nuôi gia súc sinh sản, hoặc lấy sữa, thời điểm hỗ trợ lãi xuất tối đa là 24 tháng, kể từ thời điểm rút vốn vay đầu tiên.

- Đối với kinh tế trang trại trồng cây lâu năm, thời hạn hỗ trợ lãi xuất vay tối đa là 36 tháng, kể từ thời điểm rút vốn vay đầu tiên.

e) Phương thức hỗ trợ: Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn (phòng kinh tế) huyện, thị xã thẩm định, tổng hợp kinh phí hỗ trợ lãi xuất của các trang trại trên địa bàn cấp huyện 3 tháng một lần, trình UBND huyện, thị xã quyết định hỗ trợ lãi suất vay cho chủ kinh tế trang trại.

Điều 8. Chính sách về khoa học công nghệ

1. Các trang trại áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống cây, con mới trên địa bàn phù hợp với điều kiện trên địa bàn từng huyện, thị xã theo hướng dẫn về cơ cấu, định mức và quy trình do Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn trình UBND tỉnh phê duyệt thì được hỗ trợ một lần kinh phí mua giống theo chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm, ngư nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Các trang trại áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới về giống cây, con, công nghệ mới vào sản xuất phù hợp với cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá trên địa bàn tỉnh có đủ các điều kiện thực hiện các mô hình trình diễn khuyến nông thì được hỗ trợ kinh phí xây dựng mô hình trình diễn khuyến nông theo quy định của tỉnh.

3. Chủ trang trại có điều kiện sản xuất cây giống nông nghiệp, cây lâm nghiệp, con giống chăn nuôi, giống thủy sản đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng thì đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận theo quy định của Pháp lệnh về giống cây trồng, vật nuôi; bảo hộ quyền tác giả. Khuyến khích và tạo điều kiện cho chủ trang trại sản xuất giống tốt, giống có chất lượng cao cung cấp cho thị trường, làm dịch vụ kỹ thuật cho nông dân trong vùng.

Điều 9. Chính sách về lao động

1. Đối tượng: Chủ trang trại, lao động nông thôn trong độ tuổi lao động và sức khỏe phù hợp với nghề cần học đang làm việc tại các trang trại trên địa bàn tỉnh chưa qua đào tạo có nhu cầu đào tạo.

2. Điều kiện được hưởng chính sách: Chủ trang trại lập danh sách lao động cần được tập huấn, đào tạo nghề cho đối tượng lao động trong trang trại gửi phòng Lao động thương binh và xã hội huyện, thị xã để được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo theo quy định.

3. Chính sách: Được hưởng chính sách hỗ trợ tập huấn, đào tạo nghề cho lao động làm trong trang trại được áp dụng theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg

ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020", Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 8/01/2010 của Chính phủ về Khuyến nông và các chính sách hiện hành của tỉnh.

Điều 10. Chính sách về thị trường

1. Đối tượng

a) Các sản phẩm được sản xuất từ trang trại nếu đăng ký nhãn hiệu, chất lượng, thương hiệu sản phẩm thì được hỗ trợ kinh phí đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm.

b) Các sản phẩm của trang trại tham gia hội chợ triển lãm hàng nông nghiệp.

2. Điều kiện được hưởng chính sách:

a) Có hợp đồng đăng ký nhãn hiệu hoặc Quyết định công nhận chất lượng, thương hiệu sản phẩm, đối với sản phẩm đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm.

b) Có giấy mời tham gia hội trợ triển lãm hàng nông nghiệp của các tổ chức có đủ tư cách pháp nhân theo quy định; kế hoạch tham dự hội trợ triển lãm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Mức hỗ trợ

a) Đối với đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm được hỗ trợ 50% kinh phí (phần thực chi trả theo hợp đồng thực tế chủ trang trại và đơn vị đủ tư cách pháp nhân quyết định công nhận chất lượng, thương hiệu sản phẩm).

b) Đối với việc tham gia hội trợ triển lãm hàng nông nghiệp, được hỗ trợ 100% chi phí (kinh phí vận chuyển sản phẩm, kinh phí thuê gian hàng, kinh phí xây dựng market trưng bày sản phẩm).

Điều 11. Về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh: Các trang trại được hưởng chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh theo quy định hiện hành của tỉnh.

Mục 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP, CẤP PHÁT VÀ THANH QUYẾT TOÁN

Điều 12. Lập dự toán ngân sách hàng năm

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chỉ đạo các Phòng chuyên môn căn cứ chính sách hỗ trợ quy định tại Quyết định này, lập dự toán và tổng hợp dự toán cùng kỳ xây dựng dự toán ngân sách hàng năm gửi về Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã căn cứ Quyết định của UBND tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách hàng năm trình Hội đồng nhân dân huyện, thị xã phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn cho đơn vị thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 13. Chấp hành dự toán ngân sách nhà nước

1. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách được UBND huyện, thị xã giao thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển trang trại, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập dự toán phân bổ gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định.

2. Căn cứ dự toán năm được giao, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện việc rút dự toán chi trả chính sách hỗ trợ theo mức quy định tại Quyết định này.

3. Hàng năm phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện, thị xã trình UBND huyện, thị xã phê duyệt để làm căn cứ tổ chức thực hiện.

Điều 14. Quyết toán ngân sách

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, thị xã có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán năm nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện, thị xã gửi phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã theo quy định của Luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã xét duyệt quyết toán năm nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp trên địa bàn và tổng hợp quyết toán thu, chi ngân sách địa phương theo quy định của Luật ngân sách.

Điều 15. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2015 được cân đối bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của các huyện, thị xã.

Mục 3 TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Giao Sở Nông nghiệp & PTNT chủ trì phối hợp cùng Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tình hình triển khai thực hiện Quy định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Chử